

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ**

Bản án số: 06/2025/DS - ST
Ngày: 11 – 8 - 2025
(V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 – PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Mến và bà Đinh Thị Phong.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Tâm – Thư ký
Toà án nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ tham gia phiên
tòa:*** Bà Bùi Thị Nhạn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15 - Phú
Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 04/2025/TLST - DS ngày 25
tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP V (V1)**. Địa chỉ: Số H L, phường L,
quận Đ, Hà Nội; nay là: Số H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc T - Chuyên viên xử lý nợ
của Ngân hàng TMCP V; vắng mặt (có đơn xin xử vắng mặt).

Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công
ty Cổ phần M. Địa chỉ trụ sở: Tầng A Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, quận C,
thành phố Hà Nội; nay là: Tầng A Tòa nhà C, số B phố T, phường Y, thành phố
Hà Nội.

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Lê Trung A - Chuyên viên xử lý nợ
công ty Cổ phần M; có mặt.

- *Bị đơn:* **Anh Bùi Văn K**, sinh năm 1996. Địa chỉ: Xóm T, xã N, huyện T,
tỉnh Hòa Bình. Nay là: Xóm T, xã T, tỉnh Phú Thọ; vắng mặt lần 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Bùi Văn K có vay theo các Hợp đồng tín dụng ký giữa V2 với Bùi Văn K. Cụ thể:

Hợp đồng cho vay số LN2212067688750 ngày 22/12/2022, anh Bùi Văn K vay vốn tại V2 số tiền 428,400,000 đồng; Thời hạn vay: 96 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 13%/năm. Lãi suất quá hạn: lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua ô tô;

Hợp đồng cho vay số LN2308019880772 ngày 14/08/2023, anh Bùi Văn K vay vốn tại V2 số tiền 120,000,000 đồng; Thời hạn vay: 36 tháng; Lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 12%/năm. Lãi suất quá hạn: lãi suất cho vay áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn bằng 150% mức lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với tiền lãi chậm trả bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng;

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI XPANDER, số khung RLA0LNNC1N100470, số máy 4A91KAX9034. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 28A-186.45 do Công an huyện T cấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Anh Bùi Văn K. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Sau khi ký kết các hợp đồng trên, theo đúng thỏa thuận, V2 đã tiến hành giải ngân các khoản vay 428.400.000 đồng và 120.000.000 đồng cho anh K. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, khi mới trả được tổng số tiền gốc và lãi là 216.762.889 đồng, thì kể từ ngày 16/9/2024 đến nay, anh Bùi Văn K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên toàn bộ khoản nợ còn lại đã chuyển sang quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn.

- Người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: Công ty Cổ phần M trình bày:

Theo Hợp đồng Mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/03/2025 và Phụ lục đính kèm giữa Ngân hàng TMCP V (V2) với Công Ty Cổ Phần M thì

V2 đồng ý bán và Công T1 đồng ý mua (các) khoản nợ của khách hàng vay là Anh Bùi Văn K cụ thể như sau:

Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2212067688750 ngày 22/12/2022.

Một phần (95%) khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2308019880772 ngày 14/08/2023.

Căn cứ vào quy định của pháp luật, Công ty M kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ của V2 phát sinh từ các hợp đồng này và các biện pháp bảo đảm kèm theo. Trong đó, có quyền thực hiện khởi kiện khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm tại Tòa án theo quy định pháp luật. Đồng thời, V2 tiếp tục là chủ nợ và bên nhận bảo đảm tương ứng với phần khoản nợ chưa bán cho Công ty M.

Quá trình xử lý khoản vay, V2 và Công ty M đã nhiều lần đôn đốc, yêu cầu anh Bùi Văn K thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản vay cho V2 và Công ty M, tuy nhiên anh Bùi Văn K không thực hiện. Anh Bùi Văn K còn nợ Công ty M và V2 tổng số tiền, cụ thể như sau:

Tính đến ngày 11/8/2025, anh K nợ Ngân hàng và Công ty tổng số tiền: 515.728.588 (*Năm trăm mười lăm triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi tám*) đồng; trong đó tiền gốc khoản vay: 432.162.001 (*Bốn trăm ba mươi hai triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm linh một*) đồng; tiền nợ lãi khoản vay: 83.556.587 (*Tám mươi ba triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi bảy*) đồng.

Cụ thể:

Anh Bùi Văn K còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền: 25.786.429 đồng; trong đó: Số tiền gốc khoản vay: 21.608.100 đồng; tiền lãi khoản vay: 4.178.329 đồng. (lãi trong hạn: 160.274 đồng; lãi quá hạn: 4.018.055 đồng).

Anh Bùi Văn K còn nợ Công ty Cổ phần M số tiền 489.942.159 đồng; trong đó nợ gốc khoản vay: 410.553.901 đồng, nợ lãi khoản vay: 79.388.258 đồng (lãi trong hạn: 3.045.216 đồng; lãi quá hạn: 76.343.041 đồng)

Ngân hàng và Công ty Cổ Phần M đề nghị Tòa án buộc anh Bùi Văn K chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng V1 khoản tiền gốc và lãi nêu trên.

Sau khi xét xử, đề nghị Tòa án buộc anh Bùi Văn K phải chịu khoản tiền lãi khoản vay theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi anh Bùi Văn K thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V và công ty Cổ phần M.

Trường hợp anh Bùi Văn K thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M thì Ngân hàng thương mại cổ phần V và công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số LN2212067688750 ngày 22/12/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp ngày 14/8/2023 để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V và công ty Cổ phần M.

- Phần trình bày của bị đơn:

Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các giấy triệu tập đương sự, Thông báo về việc mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đối với bị đơn, lấy lời khai và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, bị đơn không hợp tác với Tòa án, không có lời khai, văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không có biên bản lấy lời khai. Toà án tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn, không tiến hành phiên hòa giải được và nguyên đơn đề nghị không tiến hành hoà giải vụ án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- *Về tố tụng:* Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định tại Bộ luật Dân sự năm 2015 để chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả cho Ngân hàng V1 và Công ty Cổ phần M số tiền cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 515.728.588 đồng và tiếp tục chịu lãi suất theo thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán hết khoản nợ trên. Kể từ ngày Bản án, Quyết định có hiệu lực pháp luật mà anh K không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty M và V2 thì Công ty M và V2 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô MISHUBISHI XPENDER MT BKS 28A-186.45 để thu hồi khoản nợ. Số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho Công ty M và V2 theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ. Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại không đủ trả nợ, Công ty M và V2 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của anh K để thực

hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty M và V2 cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Các đương sự tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán trong Hợp đồng dân sự. Nơi cư trú của bị đơn tại xóm T, xã N, huyện T, tỉnh Hòa Bình; nay là: Xóm T, xã T, tỉnh Phú Thọ. Theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 35 sửa đổi (Luật số 85/2025/QH 15: Luật sửa đổi bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính; Luật Tư pháp người chưa thành niên; Luật phá sản; Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Nay là Tòa án nhân dân khu vực 15 – Phú Thọ.

Tòa án đã triệu tập đương sự, thông báo về mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải đến các đương sự hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan. Do vậy, bị đơn không có bản tự khai, biên bản lấy lời khai. Tòa án đã lập biên bản về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ chỉ có nguyên đơn, biên bản không tiến hành hoà giải được và nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án.

Toà án đã tiến hành giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên toà, Quyết định hoãn phiên toà hợp lệ đến các đương sự nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Hợp đồng cho vay số LN2212067688750 ngày 22/12/2022, anh Bùi Văn K vay vốn tại V2 số tiền 428,400,000 đồng; Thời hạn vay: 96 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua ô tô;

Hợp đồng cho vay số LN2308019880772 ngày 14/08/2023, anh Bùi Văn K vay vốn tại V2 số tiền 120,000,000 đồng ; Thời hạn vay: 36 tháng; Mục đích sử dụng vốn: Vay tiêu dùng;

Hợp đồng thế chấp bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 01 xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI XPANDER, số khung RLA0LNNC1N100470, số máy 4A91KAX9034. Giấy chứng nhận Đăng ký xe ô tô BKS: 28A-186.45 do Công

an huyện T cấp thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Anh Bùi Văn K. Tất cả các phụ tùng, thiết bị, vật phụ... được lắp thêm, thay thế vào Tài sản thế chấp cũng thuộc tài sản thế chấp.

Các hợp đồng nêu trên giữa Ngân hàng V1 và anh Bùi Văn K được thiết lập cơ sở tự nguyện, đúng pháp luật và đã được giải ngân, kí nợ. Do đó, căn cứ Điều 117, 119 Bộ luật dân sự 2015 xác định đây là Hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên nên cần căn cứ vào các điều khoản đã quy định trong hợp đồng để xem xét giải quyết.

Xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn:

[2.1] Đối với yêu cầu buộc thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của hợp đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về yêu cầu trả số tiền gốc và lãi khoản vay theo các Hợp đồng tín dụng:

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số LN2212067688750 ngày 22/12/2022, Ngân hàng đã giải ngân cho anh Bùi Văn K vay số tiền 428.400.000 đồng; Hợp đồng cho vay số LN2308019880772 ngày 14/08/2023, Ngân hàng đã giải ngân anh Bùi Văn K vay số tiền 120.000.000 đồng và bị đơn cũng chỉ trả được một phần nợ lãi và gốc, số tiền 216.762.889 đồng, kể từ ngày 16/9/2024 đến nay, anh K đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc anh K thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng anh K có dấu hiệu trốn tránh, cố tình không phối hợp, không thực hiện nghĩa vụ của mình. Tính đến ngày 11/8/2025, tổng số tiền gốc dư nợ của các Hợp đồng là: 432.162.001 đồng. Sau khi nhận được thông báo thụ lý, biên bản phiên họp giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ, anh Bùi Văn K đều không có ý kiến phản hồi, không hợp tác nên cần chấp nhận để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho Nguyên đơn. Vì vậy, việc Ngân hàng yêu cầu anh Bùi Văn K có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc còn đó là có cơ sở, cần chấp nhận.

Đối với Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/3/2025, Hợp đồng có hình thức và nội dung không trái quy định của pháp luật, được các bên ký kết thỏa thuận trên cơ sở tự nguyện. Công ty M đã hoàn tất việc thanh toán số tiền bán nợ cho V2; từ đó, đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của bên bán nợ và người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tổ tụng của bên bán nợ theo quy định tại Điều 365, 368 BLDS; Điều 74 BLTTDS; khoản 2 Điều 7 Nghị quyết số 03/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của HĐTP TANDTC. Do vậy, Công ty M sẽ có quyền và nghĩa vụ của chủ nợ đối với 95% khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng cho vay số LN2212067688750 ngày 22/12/2022 và Hợp đồng cho vay số

LN2308019880772 ngày 14/8/2023. V2 tiếp tục là chủ nợ tương ứng với 5% phần khoản nợ còn lại chưa bán cho công ty M.

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ gồm bảng kê tổng hợp số tiền dư nợ gốc, tiền lãi; bản tự khai của nguyên đơn và người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn; biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải ngày 22/5/2025 và lời khai của nguyên đơn tại phiên tòa.

Tính đến ngày 11/8/2025, anh K nợ Ngân hàng và Công ty tổng số tiền: 515.728.588 (*Năm trăm mười lăm triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi tám*) đồng; trong đó tiền nợ gốc khoản vay: 432.162.001 (*Bốn trăm ba mươi hai triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm linh một*) đồng; tiền nợ lãi khoản vay: 83.556.587 (*Tám mươi ba triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi bảy*) đồng.

Cụ thể:

Anh Bùi Văn K còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền: 25.786.429 đồng; trong đó: Số tiền gốc khoản vay: 21.608.100 đồng; tiền lãi khoản vay: 4.178.329 đồng. (lãi trong hạn: 160.274 đồng; lãi quá hạn: 4.018.055 đồng).

Anh Bùi Văn K còn nợ Công ty Cổ phần M số tiền 489.942.159 đồng; trong đó nợ gốc khoản vay: 410.553.901 đồng, nợ lãi khoản vay: 79.388.258 đồng (lãi trong hạn: 3.045.216 đồng; lãi quá hạn: 76.343.041 đồng).

Như vậy, căn cứ Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; yêu cầu của nguyên đơn và người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi và khoản tiền nợ lãi được tính theo thỏa thuận trong HĐ tín dụng cho đến ngày anh K thực tế thanh toán hết nợ; các khoản tiền anh K trả nợ phải tương ứng với tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ; là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp:

Hợp đồng thế chấp số LN2212067688750 ngày 22/12/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 14/8/2023 được ký kết tự nguyện, đảm bảo cả về hình thức và nội dung, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 292, Điều 295, Điều 317 BLDS. Tài sản thế chấp là 01 xe ô tô MISHUBISHI XPENDER MT BKS 28A-186.45 thuộc quyền sở hữu của anh Bùi Văn K theo giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 28000214 mang tên Bùi Văn K do Công an

huyện T cấp. Tài sản thế chấp được đăng ký tại Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Đà Nẵng.

Hợp đồng mua bán nợ số 09/2025/VPB-JUPITER ngày 28/3/2025 đảm bảo được ký kết trên cơ sở tự nguyện, được pháp luật cho phép thực hiện, tuân thủ đúng quy định của pháp luật về hình thức và nội dung; do đó, cũng phát sinh quyền và nghĩa vụ về xử lý tài sản thế chấp của bên bán nợ V2 và người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của bên bán nợ công ty M.

Do đó căn cứ khoản 1 Điều 299, Điều 317, 319, khoản 7 Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; yêu cầu của nguyên đơn và người kế thừa một phần quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn về việc Công ty M và V2 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô MISHUBISHI XPENDER MT BKS 28A-186.45 để thu hồi khoản nợ trong trường hợp anh K không thực hiện hoặc không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ; số tiền thu được từ việc kê biên, phát mại tài sản bảo đảm phải được thanh toán cho Công ty M và V2 theo đúng tỷ lệ sở hữu của mỗi bên đối với từng khoản nợ; là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp tài sản bảo đảm sau khi kê biên, phát mại cũng không đủ trả nợ, anh K có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ. Xét việc anh K có nhiều lần trốn tránh, cố tình không phối hợp, không thực hiện nghĩa vụ của mình, yêu cầu của phía nguyên đơn về việc trong trường hợp này, Công ty M và V2 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án xác minh, kê biên, phát mại các tài sản khác của anh K để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thực tế trả hết các khoản nợ là có căn cứ, hợp lý.

Về án phí: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền 515.728.588 đồng và được Tòa án chấp nhận; Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí, Tòa án cần buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và trả lại tạm ứng án phí cho nguyên đơn. Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 15 - Phú Thọ hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 35 sửa đổi (Luật số 85/2025/QH 15: Luật sửa đổi bổ sung một số điều Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính; Luật Tư pháp người chưa thành niên; Luật phá sản; Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án);

Căn cứ Điều 116; Điều 117; Điều 280; khoản 7 Điều 323; Điều 463; 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91; khoản 1 Điều 95; điểm a, khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017;

Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M.

1. Buộc anh Bùi Văn K có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M tổng số tiền 515.728.588 (*Năm trăm mười lăm triệu, bảy trăm hai mươi tám nghìn, năm trăm tám mươi tám*) đồng; trong đó tiền nợ gốc khoản vay: 432.162.001 (*Bốn trăm ba mươi hai triệu, một trăm sáu mươi hai nghìn, không trăm linh một*) đồng; tiền nợ lãi khoản vay: 83.556.587 (*Tám mươi ba triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm tám mươi bảy*) đồng.

Cụ thể:

Anh Bùi Văn K có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền: 25.786.429 (*Hai mươi lăm triệu, bảy trăm tám mươi sáu nghìn, bốn trăm hai mươi chín*) đồng; trong đó: Số tiền gốc khoản vay: 21.608.100 (*Hai một triệu, sáu trăm linh tám nghìn, một trăm*) đồng; tiền lãi khoản vay: 4.178.329 (*Bốn triệu, một trăm bảy mươi tám nghìn, ba trăm hai mươi chín*) đồng.

Anh Bùi Văn K có nghĩa vụ trả nợ cho Công ty Cổ phần M số tiền 489.942.159 (*Bốn trăm tám mươi chín triệu, chín trăm bốn mươi hai nghìn, một trăm năm mươi chín*) đồng; trong đó nợ gốc khoản vay: 410.553.901 (*Bốn trăm mười triệu, năm trăm năm mươi ba nghìn, chín trăm linh một*) đồng, nợ lãi khoản vay: 79.388.258 (*Bảy mươi chín triệu, ba trăm tám tám nghìn, hai trăm năm mươi tám*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (12/8/2025), anh Bùi Văn K còn phải chịu khoản tiền lãi khoản vay theo đúng thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng cho đến khi anh Bùi Văn K thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V và công ty Cổ phần M.

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp anh Bùi Văn K thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V và Công ty Cổ phần M thì Ngân hàng thương mại cổ phần V và công ty Cổ phần M có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp số LN2212067688750 ngày 22/12/2022 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng

thế chấp ngày 14/8/2023 để thu hồi nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần V và công ty Cổ phần M.

Cụ thể tài sản thế chấp là: 01 xe ô tô nhãn hiệu MISUBISHI XPENDER MT; số khung: RLA0NNC1N1000470; số máy: 4A91KAX9034; biển kiểm soát: 28A-186.45, mang tên Bùi Văn K do Công an huyện T, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 21/12/2022.

Nếu tài sản thế chấp không đủ thanh toán các khoản nợ thì anh Bùi Văn K tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng thương mại cổ phần V và công ty Cổ phần M cho đến khi thanh toán xong nợ.

3. Về án phí: Anh Bùi Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 24.629.144 (*Hai mươi tư triệu, sáu trăm hai mươi chín nghìn, một trăm bốn mươi bốn*) đồng.

Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.254.881 (*Mười một triệu, hai trăm năm mươi tư nghìn, tám trăm tám mươi mốt*) đồng theo biên lai 0000741 ngày 25/02/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình. Nay là Phòng thi hành án khu vực 15 – Phú Thọ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Thọ (cơ sở 3);
- VKSND khu vực 15 - Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Hương

